TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024
"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Bích Ngọc

2. Ông Dương Sơn

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Xuân Cường là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy L, sinh năm 1985, có mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng Tiến S, sinh năm 1978, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Thúy L trình bày: Bà và ông Hoàng Tiến S chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/3/2006. Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng

nói chung, ông S thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà gây chuyện dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nhau, ông S có đánh đập bà. Nay tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa và xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung tên Hoàng Lê Minh Đ, sinh ngày 30/01/2007 và Hoàng Lê Ngọc L1, sinh ngày 10/12/2012. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000^{đ} cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Tiến S hiện đang sinh sống tại tổ 10, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông S thì ông S từ chối không nhận và không trình bày ý kiến của mình. Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L và buộc ông Hoàng Tiến S ly hôn với bà Lê Thị Thúy L; Giao các con chung tên Hoàng Lê Minh Đ, sinh ngày 30/01/2007 và Hoàng Lê Ngọc L1, sinh ngày 10/12/2012 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đây cũng là ý kiến của hai cháu được sống cùng với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu xem xét nên miễn xét. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng đến nay ông Hoàng Tiến S vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hoàng Tiến S có nơi cư trú tại: Tổ 10, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bà Lê Thị Thúy L và ông Hoàng Tiến S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ngày 14/3/2006 bà L ông S đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Tân cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 02/05. Do đó, hôn nhân của bà L và ông S đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Thúy L và ông Hoàng Tiến S là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông S thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà gây chuyện dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nhau, ông S có hành vi đánh bà L. Bà L xác nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và đến nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chứng tỏ hôn nhân của bà L và ông S không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà L và ông S, tại các biên bản xác minh và lời khai của những người quen biết đều thể hiện vợ chồng ông bà có mâu thuẫn với nhau, tại phiên tòa bà L cương quyết ly hôn, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân thì vợ chồng cũng không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Giữa bà L ông S chung sống với nhau có 02 người con chung Hoàng Lê Minh Đ, sinh ngày 30/01/2007 và Hoàng Lê Ngọc L1, sinh ngày 10/12/2012. Xét yêu cầu của bà L xin được nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

Bởi vì đây là ý kiến của cháu Đ, L1 đều có nguyện vọng được sống với mẹ nếu như cha mẹ ly hôn và quá trình giải quyết vụ án ông S từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cũng như không trình bày ý kiến của mình các vấn đề liên quan đến vụ án. Do đó, Hôi đồng xét xử giao hai cháu Đ, L1 cho bà L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà L yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì sau khi ly hôn ông S không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa bà L khai thu nhập bình quân mỗi tháng của Lan từ mức 7.000.000đ trở lên, còn thu nhập bình quân mỗi tháng của ông S từ mức 10.000.000đ trở lên. Bà L cho biết mức sinh hoạt bao gồm các chi phí thông thường cần thiết của hai con như: Chi phí cho việc ăn uống hàng ngày, chi phí cho việc học hành và các chi phí khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà L và buộc ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82; Điều 107 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu nên miễn xét

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L.

Về hôn nhân: Buộc ông Hoàng Tiến S phải ly hôn với bà Lê Thị Thúy L.

Về con chung: Giao hai con chung tên Hoàng Lê Minh Đ, sinh ngày 30/01/2007 và Hoàng Lê Ngọc L1, sinh ngày 10/12/2012 cho bà L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Hoàng Tiến S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền thăm non, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên miễn xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ, bà L phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu số 0001756 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Mai